

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu công nghệ thông tin và vật liệu xây dựng với thanh khoản giảm

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL VN30F1M tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

## [Thông tin doanh nghiệp]

FPT, DBD

## [Cập nhật công ty]

HSG, KDH

## [Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ các vị thế đã mở, có thể kết hợp trái lệnh mua, mở thêm 1 phần tỷ trọng trading quay vòng trong các nhịp điều chỉnh

04/06/2024

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,283.52	+0.28
VN30	1,300.99	+0.25
HĐTL VN30F1M	1,295.00	+0.27
HNXIndex	244.32	-0.16
HNX30	541.76	-0.14
UPCoM	97.00	+0.07
USD/VND	25,420	-0.07
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.81	-1
Lãi suất qua đêm (%)	3.92	+18
Dầu (WTI, \$)	72.77	-1.95
Vàng (LME, \$)	2,330.85	-0.85



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 1,283.52 (+0.28%)  
**KLGD (triệu CP)** 785.9 (-10.4%)  
**GTGD (triệu US\$)** 933.8 (-9.0%)

TTCK Việt Nam tăng điểm trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu công nghệ thông tin và vật liệu xây dựng với thanh khoản giảm. Khối ngoại bán ròng 134.39 tỷ đồng, tập trung tại MWG (-0.31%), VND (-0.83%), VHM (+0.25%).

**HNXIndex** 244.32 (-0.16%)  
**KLGD (triệu CP)** 82.1 (-21.9%)  
**GTGD (triệu US\$)** 62.5 (-9.4%)

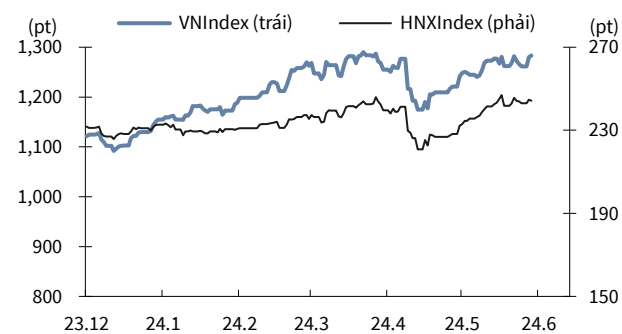
Theo GSO, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 5/2024 ước tính tăng 3.9% so với tháng trước và tăng 8.9% so với cùng kỳ năm trước. Cổ phiếu nhóm Thép tăng giá ở HSG (+3.58%), HPG (+1.03%).

**UPCoM** 97.00 (+0.07%)  
**KLGD (triệu CP)** 76.3 (+26.7%)  
**GTGD (triệu US\$)** 46.6 (+33.2%)

Mới đây, Đại sứ quán Úc tại Việt Nam và Cục Điều tiết điện lực Việt Nam đã ký kết biên bản ghi nhớ hợp tác về hỗ trợ phát triển thị trường điện cạnh tranh. Cổ phiếu nhóm Điện tăng giá ở POW (+4.09%), HDG (+0.59%).

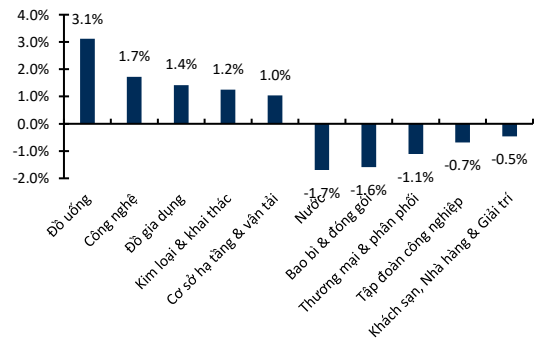
**ĐTNN mua ròng (triệu US\$)** -6.1

## VNIndex & HNXIndex



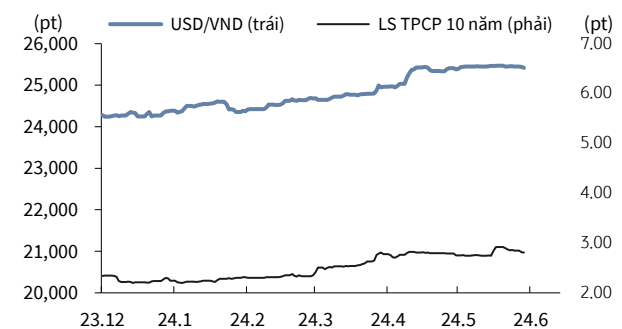
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



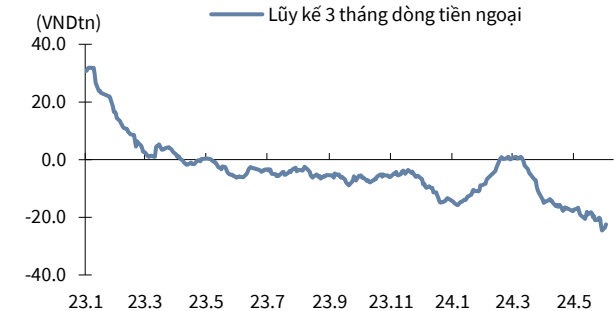
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

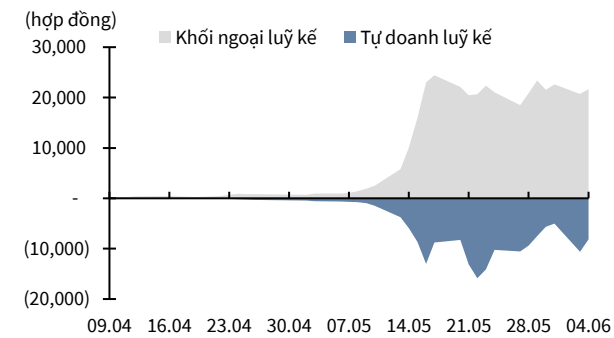
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,300.99 (+0.25%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,295.0 (+0.27%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,292.9</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,302.6</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,291.1</b>
<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>205,803 (+4.0%)</b>

HĐTL VN30F1M tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2406 và VN30 mở cửa tại -5.08 điểm, sau đó biến động quanh -5.6 điểm và đóng cửa tại -5.99 điểm. Khối lượng giao dịch tăng.

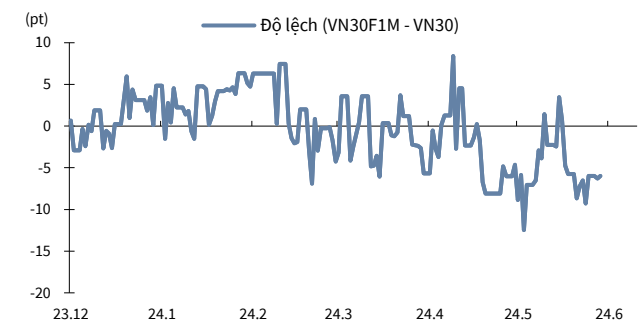
Khối ngoại mua ròng 961 HĐTL VN30F2406 và đang duy trì vị thế mua lũy kế 21,688 hợp đồng. Khối tự doanh CTCK mua ròng 2,465 hợp đồng nhưng đang duy trì vị thế bán lũy kế 8,133 hợp đồng.

Mua/bán lũy kế HĐTL VN30F1M của tự doanh & NĐTNN



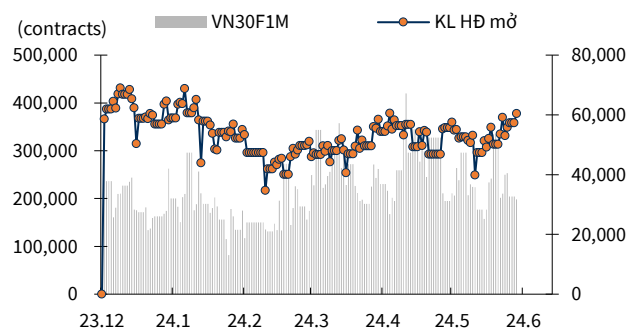
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



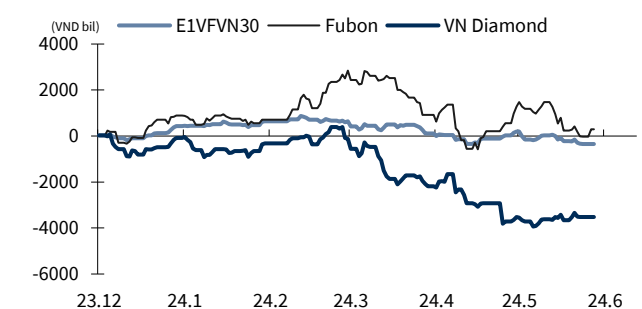
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

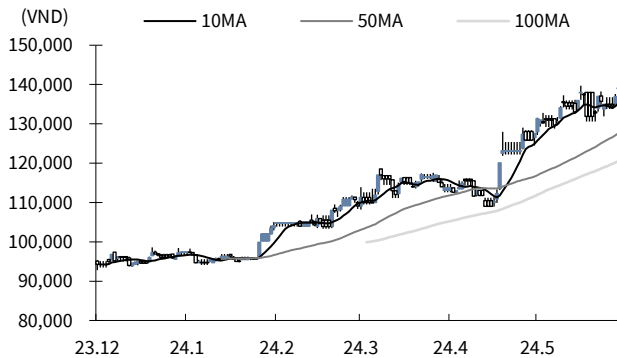
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

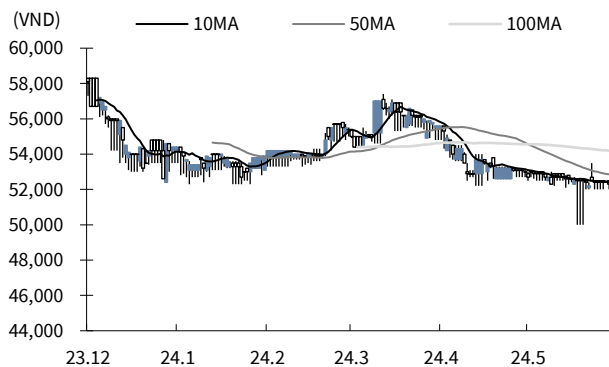
## CTCP FPT (FPT)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- FPT tăng 1.61% lên 139,100 VND/cp
- CTCP FPT sẽ chia cổ tức còn lại năm 2023 với tỷ lệ 10% bằng tiền mặt. Cụ thể, ngày chốt danh sách cổ đông là 13/06, thời gian thanh toán cổ tức dự kiến là 20/06. Đồng thời, FPT dự kiến phát hành thêm 190.5 triệu cp nhằm tăng vốn với tỷ lệ 20:3. Về hoạt động kinh doanh 4 tháng đầu năm 2024, doanh thu ước đạt 18,989 tỷ đồng; tăng 20.6% YoY; lợi nhuận trước thuế là 4,447 tỷ đồng, tăng 19,7% YoY.

## CTCP Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) (DBD)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- DBD giảm 0.38% xuống 52,300 VND/cp
- CTCP Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định chốt quyền trả cổ tức năm 2023 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 25%. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 19/06. Sau khi trả cổ tức, DBD sẽ phát hành 23.3 triệu cp với giá thoả thuận. Nguồn vốn huy động được bổ sung vốn đầu tư cho 2 dự án là Nhà máy sản xuất thuốc vô trùng thể tích nhỏ và Nhà máy OSD Non - Betalactam.

# CTCP Tập đoàn Hoa Sen

## Tồn kho giá rẻ

04/06/2024

Chuyên viên phân tích Nguyễn Dương Nguyên  
[nguyenn1@kbsec.com.vn](mailto:nguyenn1@kbsec.com.vn)

**KQKD tiếp tục xu hướng hồi phục trong Q2 FY24**

HSG ghi nhận doanh thu 9,248 tỷ VND (+2% QoQ, +32% YoY) và LNST 319 tỷ VND (+209% QoQ, +27% YoY) nhờ (1) sản lượng tiêu thụ tăng 52% YoY và (2) HSG ghi nhận 124 tỷ VND lãi tỷ giá trong kỳ (+126% YoY)

**Gia tăng hàng tồn kho ở vùng giá thấp giúp hỗ trợ biên lãi gộp trong các quý tiếp theo**

Trong Q2 FY24, hàng tồn kho của HSG tăng 49% QoQ, trong đó, nguyên vật liệu tăng 79%. Chúng tôi nhận thấy HSG đã rất tích cực tích trữ hàng tồn kho khi giá HRC duy trì ở vùng thấp (530-550 USD/tấn) trong nhiều tháng qua. KBSV ước tính biên lãi gộp của HSG đạt 11.6%/12.5% trong FY24/FY25.

**Tiêu thụ nội địa hồi phục**

Sản lượng tiêu thụ nội địa đang có dấu hiệu hồi phục khi tiêu thụ tôn mạ, thép ống trong T4/2024 tăng lần lượt 29%/28% MoM. Chúng tôi kỳ vọng tiêu thụ nội địa sẽ hồi phục mạnh mẽ hơn trong 2H2024 nhờ lĩnh vực Bất động sản Dân dụng dần hồi phục, các dự án mới được triển khai giúp kích thích nhu cầu thép trong nước.

**HSG hưởng lợi trong trường hợp AD02 được áp dụng**

Chúng tôi cho rằng HSG sẽ được hưởng lợi nhiều nhất trong trường hợp biện pháp chống bán phá giá thép mạ nhập khẩu từ Trung Quốc, Hàn Quốc (AD02) được áp dụng nhờ thị phần số 1 và số 2 trong mảng tôn mạ và thép ống, chiếm lần lượt 28.4%/12.4%.

**Khuyến nghị MUA với HSG, giá mục tiêu 27,400 VND/cổ phiếu**

Chúng tôi khuyến nghị MUA với cổ phiếu HSG, giá mục tiêu 27,400 VND/cổ phiếu, tương ứng với tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng 23% so với giá đóng cửa ngày 03/06/2024.

## MUA duy trì

Giá mục tiêu	VND 27,400
Tăng/giảm (%)	23%
Giá hiện tại (03/06/2024)	VND 22,350
Giá mục tiêu đồng thuận	VND 24,200
Vốn hóa thị trường (nghìn tỷ VND/ tỷ USD)	1.37/0.54

### Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	82%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	237.07/9.46
Sở hữu nước ngoài (%)	43.2%
Cổ đông lớn	
Daiwa Securities Group	15.46%
Công ty TNHH Đầu tư NDH	6.29%

### Biến động giá cổ phiếu

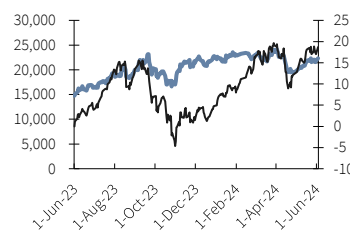
(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	12.9	-3.0	2.8	48.5
Tương đối	7.6	-4.8	-13.4	31.2

### Dự phóng KQKD & định giá

FY-end	FY2022	FY2023	FY2024	FY2025
Doanh số thuần (tỷ VND)	49,711	31,651	38,917	40,435
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VND)	331	74	832	1,216
Lợi nhuận của CĐ công ty mẹ (tỷ VND)	251	25	786	1,034
EPS (VND)	419	40	1,275	1,679
Tăng trưởng EPS (%)	-95%	-90%	3099%	32%
P/E (x)	27.6	571.9	17.5	13.3
P/B (x)	0.6	1.3	1.2	1.1
ROE (%)	2%	0%	7%	9%
Tỷ suất cổ tức (%)	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%

Nguồn: FiinProX, KBSV

— HSG (LHS, VND)  
— Thay đổi so với VN-Index (RHS, %)



Nguồn: Bloomberg, KBSV

# KHANG ĐIỀN (KDH)

## Tiếp tục hoàn thiện pháp lý các dự án lớn

04/06/2024

Trưởng nhóm Phạm Hoàng Bảo Nga

[ngaphb@kbsec.com.vn](mailto:ngaphb@kbsec.com.vn)

(+84) 24-7303-5333

**Dự án The Privia ghi nhận tỷ lệ hấp thụ tốt, dự kiến bàn giao từ quý 4/2024**

Cuối tháng 11/2023, Khang Điền đã mở bán chính thức dự án The Privia, nằm tại đường An Dương Vương, quận Bình Tân, Tp HCM. Dự án có diện tích 1.8ha với quy mô 3 block 1,043 căn hộ. Tính đến cuối Quý 1/2024, dự án đã cất nóc cả 3 tòa và bán được 100% số căn hộ. Khang Điền sẽ tiếp tục hoàn thiện và bắt đầu giao căn hộ cho khách hàng từ Quý 4/2024. KBSV ước tính doanh thu và LNST của KDH năm 2024 đạt lần lượt là 3,227 tỷ VND (+54%YoY) và 804 tỷ VND (+12%YoY) nhờ bắt đầu bàn giao dự án The Privia

**Mở bán hai dự án Clarita và Emerica trong năm 2024**

KBSV kỳ vọng trong năm 2024, KDH sẽ mở bán hai dự án hợp tác với Keppel là Clarita và Emerica. Hai dự án này có tổng diện tích 11.8ha tại đường Võ Chí Công, phường Bình Trưng Đông, Tp. Thủ Đức. Hai dự án này đã khởi công từ Quý 4/2023, kỳ vọng có thể đóng góp vào doanh số bán hàng của KDH từ nửa cuối năm 2024. KBSV ước tính doanh số bán hàng 2024F-2025F đạt 2,468 tỷ VND (-46%YoY) và 4,217 tỷ VND (+71%YoY).

**Các dự án lớn có tiến triển trong tiến độ pháp lý**

Trong Quý 1/2024, các dự án lớn trong kế hoạch trung và dài hạn của KDH cũng ghi nhận những tiến triển đáng kể trong quá trình hoàn thiện pháp lý. Cụ thể, KDH đã đóng 50% tiền sử dụng đất cho dự án 11A (The Solina), dự án Phong Phú 2 và Bình Trưng mới đã gần đền bù xong, đang đợi phê duyệt đầu tư, dự án KCN Lê Minh Xuân đang đợi GPXD hạ tầng trong năm nay.

**Khuyến nghị: TRUNG LẬP – Giá mục tiêu: 40,800VND/cổ phiếu**

Dựa trên triển vọng kinh doanh và kết quả định giá, chúng tôi đưa ra khuyến nghị TRUNG LẬP đối với cổ phiếu KDH với mức giá mục tiêu là 40,800VND/cp, cao hơn 7%

## TRUNG LẬP duy trì

<b>Giá mục tiêu</b>	<b>40,800VND</b>
Tăng/giảm (%)	7%
Giá hiện tại (03/06/2024)	38,000VND
Giá mục tiêu đồng thuận	43,100VND
Vốn hóa thị trường (nghìn tỷ VND/ tỷ USD)	30.1/1.2

### Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	58.2%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	132.7/5.3
Sở hữu nước ngoài (%)	39.6%
Cổ đông lớn	Nhóm quỹ Dragon Capital 7%

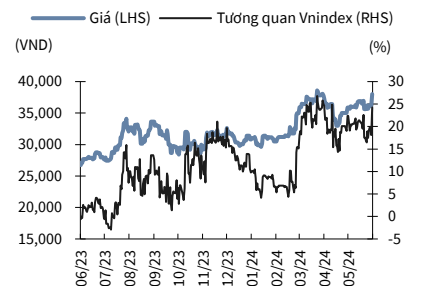
### Biến động giá cổ phiếu

(%)	<b>1M</b>	<b>3M</b>	<b>6M</b>	<b>12M</b>
Tuyệt đối	5.8	5.7	16.6	42.2
Tương đối	1.0	4.2	2.3	24.8

### Dự phóng KQKD & định giá

FY-end	2022	2023	2024F	2025F
Doanh số thuần (tỷ VND)	2,912	2,088	3,215	5,667
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VND)	992	1,122	1,056	2,218
Lợi nhuận của CB công ty mẹ (tỷ VND)	1,103	716	797	1,070
EPS (VND)	1,539	895	876	1,177
Tăng trưởng EPS (%)	-18	-42	-2	34
P/E (x)	20.24	38.63	43.38	32.29
P/B (x)	1.93	2.06	2.00	1.89
ROE (%)	9.4	4.6	4.1	5.1
Tỷ suất cổ tức (%)	0	0	0	0

Nguồn: Fiinpro, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KBSV

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

### Chỉ số VNINDEX



Nguồn: Trading View, KB Securities Vietnam

Chi báo	Nhận định xu hướng	Hành động
Xanh đậm	Khả năng tăng điểm cao	Mua mạnh
Xanh nhạt	Khả năng tăng điểm vừa phải	Mua từng phần
Vàng	Xu hướng trung tính	Quan sát
Cam	Khả năng giảm điểm vừa phải	Bán từng phần
Đỏ	Khả năng giảm điểm cao	Bán mạnh

### Ngưỡng kỹ thuật

Kháng cự xa: 1330 (+-10)

Kháng cự gần: 130x

Hỗ trợ gần: 1270 (+-5)

Hỗ trợ xa: 124x

- VNINDEX có phần suy yếu sau nỗ lực bứt phá khỏi dài đi ngang, đồng thời hình thành mẫu nến "inverted hammer" không mấy tích cực. Mặc dù vậy, tín hiệu này chỉ mới phản ánh lượng cung tiềm năng giá cao chứ chưa cho thấy áp lực bán giá thấp. Diễn biến rung lắc sẽ còn xảy ra khi chỉ số thử thách lại vùng đỉnh ngắn hạn cũ nhưng VNINDEX được kỳ vọng sẽ duy trì xu hướng tăng, vượt ngưỡng cản tâm lý 1300 trước khi có thể xuất hiện nhịp điều chỉnh trở lại.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ các vị thế đã mở, có thể kết hợp trải lệnh mua, mở thêm 1 phần tỷ trọng trading quay vòng trong các nhịp điều chỉnh.

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

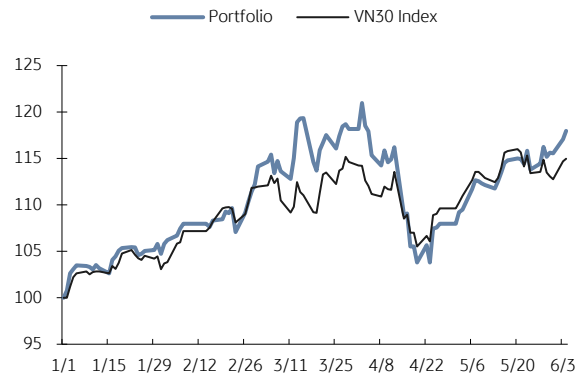
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.25%	0.77%
Tăng lũy kế (YTD)	14.98%	17.96%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 04/06/2024	Daily return (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
FPT (FPT)	02/05/2024	139,100	1.6%	12.4%	- Các mảng kinh doanh như CNTT nước ngoài, giáo dục còn nhiều tiềm năng tăng trưởng - Kỳ vọng động lực tăng trưởng dài hạn khi xâm nhập vào mảng chip bán dẫn
PC1 Group (PC1)	01/04/2024	29,200	-0.5%	2.6%	- Quy hoạch điện VIII thúc đẩy mảng xây lắp điện và sản xuất công nghiệp - Doanh thu bán điện hồi phục khi chuyển pha Lanina trong 2H2024 - Triển vọng dài hạn ở mảng Khu công nghiệp
Vietcombank (VCB)	01/03/2024	88,700	0.6%	-9.7%	- Tín dụng tăng trưởng bền vững trong năm 2024 - NIM kỳ vọng được duy trì ổn định nhờ chi phí vốn cải thiện - Bộ đệm dự phòng vững chắc
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	03/06/2024	94,800	1.3%	0.9%	- Thị phần mảng bán lẻ duy trì tăng trưởng nhờ xu hướng hợp nhất ngành - Nhu cầu kỳ vọng cải thiện khi kinh tế phục hồi - Mảng vàng miếng tăng trưởng tốt nhờ giá vàng tăng
Hoa Phát (HPG)	03/06/2024	29,300	1.0%	1.7%	- KQKD chạm đáy trong 2023 và hồi phục từ 2024 - Lợi nhuận có tín hiệu hồi phục, ngành thép chuẩn bị bước vào chu kỳ tăng giá mới - Dung Quất 2 tạo động lực tăng trưởng cho HPG trong dài hạn
Sacombank (STB)	03/06/2024	29,950	0.7%	6.6%	- STB đã bán thành công khoản nợ liên quan đến khu công nghiệp Phong Phú - Lãi suất huy động của STB vẫn duy trì ở mức thấp - NIM kỳ vọng tiếp tục hồi phục, NPL đi ngang so với cùng kỳ, chất lượng tài sản được kiểm soát tốt
DPM (DPM)	03/06/2024	38,600	0.3%	6.0%	- Nhu cầu trở lại toàn cầu tăng trưởng sẽ hỗ trợ triển vọng tiêu thụ phân bón trong 2024 - Kỳ vọng chi phí đầu vào thuận lợi hơn khi El Nino có dấu hiệu suy yếu đi
Nam Kim (NKG)	03/06/2024	25,500	2.6%	3.0%	- Tiêu thụ được thúc đẩy nhờ động lực chính từ kênh xuất khẩu và nội địa dần hồi phục - Nhà máy Nam Kim Phú Mỹ bắt đầu cho ra sản phẩm từ 1Q2026
PetroVietnam Gas (GAS)	03/06/2024	80,800	0.5%	-0.1%	- Giá dầu thô Brent và dầu FO dự báo đi ngang so với năm 2023, đóng góp vào KQKD 2024 - Dự án LNG tăng khả năng có lợi nhuận trong 2025 nhờ điều chỉnh giá điện
Mobile World Corp (MWG)	02/05/2024	63,800	-0.3%	13.9%	- Chuỗi TGDD và ĐMX trên đà hồi phục, kỳ vọng quay trở lại làm trụ cột lợi nhuận chính - Bách Hoá Xanh tăng trưởng ấn tượng, đạt mục tiêu hoà vốn, tiếp tục tối ưu trước khi mở rộng

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam



# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
FPT	1.6%	48.9%	98.5
HSG	3.6%	19.3%	64.5
NKG	2.6%	14.6%	44.3
POW	4.1%	4.1%	43.1
HPG	1.0%	22.8%	41.8

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
MWG	-0.3%	48.7%	-86.3
VND	-0.8%	14.3%	-78.2
VHM	0.3%	17.3%	-66.5
FUEVFVND	0.4%	96.5%	-55.3
FUESSVFL	-0.2%	89.3%	-45.9

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
IDC	0.0%	23.1%	12.7
MBS	0.9%	1.8%	6.4
CEO	0.0%	5.0%	1.3
DTD	-0.6%	7.3%	1.1
VFS	-1.2%	0.1%	0.6

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVS	0.9%	20.6%	-9.5
TNG	-0.8%	21.3%	-7.2
HUT	-1.6%	1.7%	-5.3
IVS	9.6%	80.3%	-5.0
IDJ	-1.3%	0.9%	-2.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Phụ tùng oto	5.4%	DRC, CSM, PAC, TNC
Bán lẻ hàng chuyên dụng	4.3%	MWG, FRT, CTF, HAX
Đồ gia dụng	3.9%	TTF, GDT, EVE, SAV
Sản xuất điện	2.8%	POW, VSH, GEG, TMP
Dược	2.8%	DHG, IMP, TRA, DBD

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bao bì & đóng gói	-5.4%	TDP, SVI, MCP, TPC
Bảo hiểm	-2.3%	BVH, MIG, BIC, BMI
Sản phẩm xây dựng	-1.5%	VGC, BMP, SHI, DAG
Tiện ích khí	-1.3%	GAS, PGD, PMG
Ngân hàng	-1.3%	VCB, BID, VPB, TCB

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hàng hải	34.6%	VSC, VOS, SKG, VTO
Phụ tùng oto	22.8%	DRC, CSM, PAC, TNC
Máy móc	21.3%	TCH, HHS, SRF, SHA
Dầu, khí và nhiên liệu tiêu hao	16.5%	PLX, PGC, CNG, GSP
Bảo hiểm	14.4%	BVH, MIG, BIC, BMI

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bao bì & đóng gói	-4.7%	TDP, SVI, MCP, TPC
Ngân hàng	-1.8%	VCB, BID, VPB, TCB
Cơ sở hạ tầng & vận tải	1.3%	GMD, LGC, CII, HAH
Hàng dệt, may & hàng xa xỉ	1.5%	PNJ, TCM, MSH, GIL
Sản phẩm xây dựng	2.0%	VGC, BMP, SHI, DAG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐtỷ, USDmn)	GTGD (VNĐtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)		ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E	20E	21E	20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	103,210 (4.1)	22.5	60.7	56.2	14.7	2.3	2.5	-	-	0.3	-2.1	-0.8	-1.1	
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	308,743 (12.1)	26.6	5.3	4.7	35.9	17.7	17.0	0.8	0.7	0.3	-1.4	-4.1	-8.8	
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	164,501 (6.5)	17.8	12.2	10.5	-7.6	10.9	10.9	1.2	1.1	-0.9	-1.6	-5.6	-5.2	
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	284,898 (11.2)	31.3	-	-	6.7	-	-	-	-	-1.0	2.1	1.4	-13.2	
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	25,770	19,167 (833)	121,929 (4.8)	11.6	34.0	31.4	13.7	6.0	6.8	1.6	1.9	-1.3	3.4	4.5	19.4	
	DXG	DAT XANH GROUP	20,008	12,594 (547)	144,608 (5.7)	13.9	56.3	35.2	-	2.3	3.3	-	-	-0.6	1.5	4.0	-11.9	
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	131,340 (5.2)	6.3	14.8	12.6	11.7	18.9	17.9	2.5	2.0	0.6	-2.2	-4.1	10.5	
	BID	BANK FOR INVESTM	30,621	174,556 (7,586)	77,692 (3.1)	12.7	-	-	-5.3	20.1	20.1	-	-	0.6	-3.1	-3.3	9.7	
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	451,545 (17.7)	0.0	7.6	6.3	14.3	16.4	17.7	1.1	1.0	1.0	1.5	-1.2	49.7	
	CTG	VIETNAM JS COMM	25,516	137,021 (5,955)	305,654 (12.0)	1.4	-	-	50.3	-	-	-	-	0.6	1.9	1.2	21.0	
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	251,910 (9.9)	0.0	9.8	7.7	18.8	11.2	12.9	1.0	0.9	-0.5	0.8	-1.1	-5.2	
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	399,935 (15.7)	0.0	5.5	4.7	14.6	22.4	23.1	1.1	0.9	-0.4	-0.4	0.4	20.6	
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	172,695 (6.8)	4.2	-	-	23.3	-	-	-	-	-0.2	-0.8	-2.0	18.0	
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	328,678 (12.9)	14.0	6.4	4.6	26.5	18.8	21.7	1.0	0.8	0.7	3.8	8.7	7.2	
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	133,812 (5.3)	0.0	3.2	2.6	37.4	15.8	16.4	1.0	0.9	0.0	1.1	3.1	3.7	
EIB	VIETNAM EXPORT-I	13,065	22,745 (988)	213,376 (8.4)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	-1.5	4.0	10.8	6.3		
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	38,443 (1.5)	21.0	-	-	15.8	-	-	-	-	1.1	-2.4	14.6	16.1	
	BMI	BAOMINH INSURANC	20,227	2,439 (106)	12,047 (0.5)	14.2	-	-	9.1	-	-	-	-	1.1	-2.2	17.4	26.5	
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	533,870 (21.0)	55.4	-	-	-3.2	-	-	-	-	0.0	-0.6	2.2	7.9	
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	263,444 (10.4)	71.9	-	-	-4.0	15.9	-	-	-	1.2	0.6	5.1	14.9	
	HCM	HO CHI MINH CITY	15,467	8,907 (387)	235,016 (9.2)	52.4	-	-	-19.0	10.2	-	-	-	-0.5	-1.3	11.0	23.5	
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,134	5,734 (249)	296,640 (11.7)	27.2	-	-	36.3	12.1	-	-	-	-0.8	0.4	0.9	-7.9	
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,905 (9,900)	239,896 (9.4)	42.1	16.0	14.9	4.0	28.1	29.5	4.3	4.2	-0.2	-1.2	0.6	-2.4	
	SAB	SAIGON BEER ALCO	96,250	123,447 (5,365)	73,349 (2.9)	36.9	18.5	17.5	7.3	18.0	18.9	3.3	3.3	3.4	0.7	8.3	-2.5	
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	458,034 (18.0)	16.5	58.9	28.9	-51.9	6.8	12.6	3.7	3.2	-0.3	2.6	11.0	15.7	
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	12,158 (0.5)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	0.7	3.0	11.3	-5.3	
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	113,635 (4.5)	11.0	-	-	-88.5	-	-	-	-	-0.3	-1.1	2.3	0.4	
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	151,796 (6.0)	10.8	20.4	20.3	-57.0	14.3	13.5	2.6	2.4	1.4	1.6	-1.2	19.9	
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	96,375 (3.8)	38.4	-	-	65.7	-	-	-	-	-0.6	3.5	6.9	3.2	
Công nghiệp (Tư bản)	CTR	VIETTEL CONSTRUC	55,596	6,360 (276)	60,872 (2.4)	48.0	30.2	24.6	26.2	28.9	31.3	7.2	6.0	-0.3	0.3	2.8	45.5	
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	325,639 (12.8)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	0.2	-0.6	15.5	1.1	
	CTD	COTECCONS CONSTR	54,900	5,438 (236)	108,966 (4.3)	3.6	-	-	-52.4	-	-	-	-	-0.1	-2.9	10.6	6.1	
	REE	REE	39,188	18,419 (800)	82,450 (3.2)	0.0	10.4	8.4	-4.5	10.6	10.5	1.3	1.3	-0.8	-1.3	9.1	26.5	

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)		ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E	20E	21E	20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	75,083	172,447 (7,494)	125,134 (4.9)	46.1	16.7	15.5	-17.5	16.5	16.5	-	-	0.5	-1.3	8.9	7.0	
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	21,907 (0.9)	31.4	-	26.2	-10.5	2.0	5.1	1.7	1.7	-0.8	0.9	4.5	-4.5	
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	15,836 (0.6)	34.1	7.9	6.4	-5.1	15.6	18.6	-	-	-0.6	3.2	11.6	10.8	
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	22,714	145,287 (6,314)	814,875 (32.0)	18.0	15.2	10.5	21.9	10.2	12.9	1.7	1.4	1.0	0.5	12.5	15.3	
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	126,602 (5.0)	36.5	20.1	17.8	-0.5	5.3	8.3	1.3	1.3	0.3	6.6	19.3	15.9	
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	217,801 (8.6)	46.5	12.0	12.9	-4.5	12.8	16.1	2.0	2.0	-0.8	0.3	20.6	19.1	
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	224,482 (8.8)	38.9	17.3	12.1	67.9	7.9	9.8	1.3	1.2	3.6	5.0	15.8	1.5	
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	70,041 (2.8)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	0.8	3.0	19.4	27.0	
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	104,831 (4.1)	4.6	16.0	14.9	-51.0	12.0	12.2	1.9	1.8	0.5	0.4	15.8	20.9	
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	184,078 (7.2)	39.9	20.2	11.4	-11.9	5.9	11.3	1.3	1.2	-0.2	0.5	8.2	14.0	
	PVT	PETROVIET TRANSP	16,273	5,793 (252)	190,707 (7.5)	35.9	10.6	9.0	2.2	9.8	10.4	1.4	1.2	0.5	0.7	20.7	27.7	
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	591,800 (23.3)	0.0	29.0	21.0	14.4	13.9	16.4	3.6	3.2	-0.3	3.7	14.5	49.1	
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	149,282 (5.9)	0.0	15.1	13.2	2.4	21.2	21.1	2.9	2.5	1.3	-0.1	-1.8	10.2	
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	23,403	1,261 (055)	12,537 (0.5)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	0.1	-1.4	1.3	-23.5	
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	132,140 (5.2)	30.3	120.5	45.1	-75.2	4.7	20.7	13.9	11.7	0.2	5.3	4.3	59.8	
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	31,494 (1.2)	34.6	-	17.9	41.2	-	13.4	2.6	2.4	-1.0	0.5	8.1	25.8	
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	3,084 (0.1)	45.4	-	-	10.7	-	-	-	-	0.6	3.7	7.5	17.3	
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-	
IT	FPT	FPT CORP	49,275	61,301 (2,664)	580,669 (22.8)	0.0	23.5	19.1	15.5	28.4	28.9	4.9	4.1	1.6	1.5	10.5	44.7	

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

---

**Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích**  
binhnx@kbsec.com.vn

**Khối phân tích**  
research@kbsec.com.vn

### **Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán**

**Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm**  
tungna@kbsec.com.vn

### **Vĩ mô & Chiến lược đầu tư**

**Trần Đức Anh – Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược đầu tư**  
anhhd@kbsec.com.vn

**Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích**  
linhpp@kbsec.com.vn

**Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích**  
uyenvt@kbsec.com.vn

### **Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng**

**Phạm Hoàng Bảo Nga – Trưởng nhóm**  
ngaphb@kbsec.com.vn

**Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích**  
tienss@kbsec.com.vn

**Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích**  
nguyenn1@kbsec.com.vn

**Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích**  
thuannd@kbsec.com.vn

### **Bán lẻ & Hàng tiêu dùng**

**Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích**  
giangnt1@kbsec.com.vn

### **Bất động sản khu công nghiệp & Logistics**

**Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích**  
anhntn@kbsec.com.vn

### **Bộ phận Hỗ trợ**

**Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ**  
thonc@kbsec.com.vn

### **Dầu khí & Hóa Chất**

**Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích**  
hieupm@kbsec.com.vn

**Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ**  
huongnt3@kbsec.com.vn

**CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)**

---

**Trụ sở chính:**

Địa chỉ: Tầng 16&amp;17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

**Chi nhánh Hà Nội:**

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

**Chi nhánh Hồ Chí Minh:**

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

**Chi nhánh Sài Gòn:**

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

**LIÊN HỆ**

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

**Hệ thống khuyến nghị**

---

**Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu****(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)**

Mua:	Trung lập:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

**Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành****(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)**

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.